

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định mức học phí năm học 2023 – 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1785/2013/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ chủ trương của Chính phủ đồng ý tăng mức học phí đại học;

Xét đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức học phí của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long năm học 2023 – 2024. (Có quy định kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế quyết định số 267/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 23/12/2022.

Điều 3. Ông (Bà) các Phòng, Khoa, Trung tâm, đơn vị liên quan và những học viên, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2023 – 2024

(Kèm theo Quyết định số: 155/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 09 tháng 6 năm 2023)

Hệ đào tạo	Mức học phí năm học 2023 – 2024	Ghi chú
I. Tiến sĩ		
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	41.000.000 đồng/năm học	
II. Thạc sĩ		
- Khối ngành I: Khoa Học Giáo dục và đào tạo Giáo viên (trừ các ngành Sư phạm)	705.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	705.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	760.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	820.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	750.000 đồng/tín chỉ	
III. Liên kết đào tạo quốc tế		
1. Liên kết với trường Đại học Tongmyong - Hàn Quốc		
- Học tại trường Đại học SPKT Vĩnh Long	540.000 đồng/tín chỉ	
- Học tại trường Đại học Tongmyong - Hàn Quốc (<i>dự kiến</i>)	3.603.000 won/học kỳ	
2. Liên kết với Trung tâm Esuhai - Nhật		
- Học tiếng Nhật	19.200.000 đồng/toàn khóa	
- Các học phần còn lại	540.000 đồng/tín chỉ	
IV. Đại học chính quy		
1. Nhóm các ngành Sư phạm		
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	0 đồng/tín chỉ	
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	0 đồng/tín chỉ	
2. Nhóm các ngành ngoài Sư phạm		
- Khối ngành I: Khoa Học Giáo dục và đào tạo Giáo viên (trừ các ngành Sư phạm)	390.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	390.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	400.000 đồng/tín chỉ	



Hệ đào tạo	Mức học phí năm học 2023 – 2024	Ghi chú
- Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	430.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	420.000 đồng/tín chỉ	
V. Đại học vừa làm vừa học		
- Khối ngành I: Khoa Học Giáo dục và đào tạo Giáo viên (trừ Các ngành Sư phạm)	585.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	585.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	600.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	645.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	630.000 đồng/tín chỉ	
VI. Cao đẳng chính quy		
- Nhóm ngành Kỹ thuật và công nghệ thông tin	360.000 đồng/tín chỉ	
- Nhóm ngành Sản xuất, chế biến và xây dựng	495.000 đồng/tín chỉ	
- Nhóm ngành Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	360.000 đồng/tín chỉ	
VII. Cao đẳng (Đào tạo liên kết)	Theo hợp đồng của trường	
VIII. Trung cấp (Đào tạo liên kết)	Theo hợp đồng của trường	

Lưu ý:

- Cán bộ công viên chức, con cán bộ công viên chức và người lao động của Trường khi học tại Trường được tính theo quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm của Trường.

- Đối với trình độ đào tạo Tiến sĩ: mức học phí trên được áp dụng cho tất cả các năm học trong toàn khóa học.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lao Hùng Phi

